

**Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước**  
**Chương: 004**

**Biểu số 02**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-  
BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-VKS ngày 25/11/2024 của Viện trưởng  
Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán	Vấn phòng tỉnh	VKSND H. Phú Riêng
1	2	3		
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>			
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>			
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>101.3</b>	<b>84.7</b>	<b>16.6</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	101.3	84.7	16.6
<b>2</b>	<b>Chi nghiên cứu khoa học</b>			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
-	Đào tạo Đại học			
-	Đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>4</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>5</b>	<b>Tài chính và khác</b>			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Viện trợ			